TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/05/2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Tào Ngọc Phượng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Tô Hùng Dũng
2.Ông Huỳnh Tài Em
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Văn Dư - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về *"Tranh chấp ly hôn, con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXX- ST ngày 11 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn Tri Ngh, sinh năm 1980
Địa chỉ: Tổ 35 TP, Phường 12, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng
- Bị đơn: Chị Huỳnh Xuân Tr, sinh năm 1981
Địa chỉ: Ấp 15, xã VMB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/01/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Bùi Văn Tri Ngh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Huỳnh Xuân Tr xây dựng hôn nhân với nhau vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới xong vợ chồng anh sống hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và hiện tại không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng anh không thể tiếp tục chung sống được nữa, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Xuân Tr.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 người con chung: Bùi Thiên Kh, sinh ngày 10/5/2009 và Bùi Thiên L, sinh ngày 22/7/2012 hiện đang ở với chị Tr, nếu con theo ai thì người đó nuôi, anh đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bùi Văn Tri Ngh xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Huỳnh Xuân Tr trình bày: Chị với anh Ngh xây dựng hôn nhân với nhau vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới xong vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Ngh không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ, con, từ đó vợ chồng cải nhau và hiện tại không còn chung sống với nhau thời gian 05 năm. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng chị không thể tiếp tục chung sống được nữa, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 người con chung: Bùi Thiên Kh, sinh ngày 10/5/2009 và Bùi Thiên L, sinh ngày 22/7/2012 hiện đang ở với chị Tr, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi và yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Tr xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, chị không còn ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình phát biểu quan điểm:

Vê việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đinh năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn Tri Ngh và chị Huỳnh Xuân Tr.

- Về con chung: Giao Bùi Thiên Kh, sinh ngày 10/5/2009 và Bùi Thiên L, sinh ngày 22/7/2012 cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Anh Bùi Văn Tri Ngh có nghĩa vu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng/tháng/01 cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Bùi Văn Tri Ngh phải chịu 300.000đ và án phí cấp dưỡng là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là Bùi Văn Tri Ngh, địa chỉ Tổ 35 Thái Phiên, Phường 12, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm

Đồngvà bị đơn chị Huỳnh Xuân Tr, địa chỉ ấp 15, xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên toà, anh Bùi Văn Tri Ngh và chị Huỳnh Xuân Tr có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Văn Tri Ngh và chị Huỳnh Xuân Tr xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa anh Ngh và chị Tr là hợp pháp được Luật hôn nhân và gia đình bảo vệ. Anh Bùi Văn Tri Ngh cho rằng trong quá trình chung sống với chị Tr do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sống không hợp nhau thường xuyên cãi nhau và hiện tại vợ chồng anh không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay, anh xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng anh không thể tiếp tục sống chung được nữa nên anh Ngh yêu cầu được ly hôn với chị Tr. Chị Tr xác định trong quá trình chung sống anh Ngh không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay, nên chị đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng anh không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường xuyên cãi nhau và hiện tại không còn chung sống với nhau và cũng không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng; điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng anh đã có xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ngh và chị Tr.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Ngh và chị Tr xác định có 02 người con chung: Bùi Thiên Kh, sinh ngày 10/5/2009 và Bùi Thiên L, sinh ngày 22/7/2012. Sau khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng theo quy định, phía anh Bùi Văn Tri Ngh đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại cháu Bùi Thiên Kh, sinh ngày 10/5/2009 và Bùi Thiên L, sinh ngày 22/7/2012 đang ở cùng với chị Tr và tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Kh, cháu L cũng có nguyện vọng ở với chị Tr. Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Kh, cháu L, chị Tr không cho các cháu ký và bản thân chị Tr cũng không ký. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù chị Tr không cho các cháu ký tên nhưng hiện tại các cháu ở với chị Tr từ nhỏ và đã có nguyện vọng ở với mẹ, đây là sự tự nguyện của các cháu không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, việc giao cháu Kh và cháu L cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo quyền lợi và phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Về mức cấp dưỡng: Anh Bùi Văn Tri Ngh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Thiên Kh, sinh ngày 10/5/2009 và Bùi Thiên L, sinh ngày 22/7/2012 với số tiền

900.000đ/tháng/01cháu cho đến khi cháu Kh và cháu L đủ 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ngh và chị Tr xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Bùi Văn Tri Ngh phải chịu 300.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Văn Tri Ngh phải chịu 300.000 đồng.

Từ những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn Tri Ngh và chị Huỳnh Xuân Tr.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Bùi Thiên Kh, sinh ngày 10/5/2009 và Bùi Thiên L, sinh ngày 22/7/2012 cho chị Tr tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ngh có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Bùi Văn Tri Ngh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Bùi Thiên Kh, sinh ngày 10/05/2009 và Bùi Thiên L, sinh ngày 22/07/2012 mỗi cháu với số tiền là 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng)*/01tháng/01cháu cho đến khi cháu Khang và cháu Lạc đủ 18 tuổi.

3. Về án phí: Anh Ngh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ. Anh Ngh đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005240 ngày 29/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng, anh Ngh phải nộp thêm 300.000 đồng.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Điều 26 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sư;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- UBND nơi đăng ký;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tào Ngọc Phượng